

Bản án số: 104/2020/HS-PT

Ngày: 28/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Vũ Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 25 và 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 129/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Mạc Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Mạc Văn T**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn X 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mạc Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị L; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án.

Bản án số 29/2012/HSST ngày 16/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Tài sản chiếm đoạt: 02 xe máy, giá trị tài sản là 100.700.000 đồng). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2015.

Bản án số 253/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”(Tài sản chiếm đoạt 01 xe máy, trị giá 16.000.000 đồng). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2018.

Nhân thân:

Bản án số 17/2005/HSST ngày 24/02/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 51/2005/HSST ngày 29/9/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 17/2005/HSST ngày 24/2/2005 của Tòa án nhân dân

huyện Đ - Quảng Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2007, chấp hành xong phần dân sự của bản án tháng 9/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2018 và giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại không kháng cáo:* Chị Ngô Thị H, sinh năm 1969, Địa chỉ: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Hoàng Trọng Y, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn X 1, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành án tại trại giam Quảng Ninh - Bộ Công an. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1979; địa chỉ: L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu C, phường G, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 1989; địa chỉ: Phường C, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Lê Thúy V, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 103 Phố T, Khu B, Phường M, thị xã K, Hải Dương.

5. Anh Nguyễn Hồng K, sinh năm 1983; địa chỉ: 103 Phố T, Khu B, Phường M, thị xã K, Hải Dương.

6. Anh Lý Công L, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã H, Huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

7. Anh Phùng Văn D, sinh năm 1972.

8. Anh Ngô Văn B, sinh năm 1971.

9. Anh Phạm Văn I, sinh năm 1983.

10. Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1960.

11. Anh Trần Hải A, sinh năm 1975.

12. Anh Phí Văn G, sinh năm 1984.

Đều có địa chỉ: Phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng, chứng kiến đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 26/10/2018, Hoàng Trọng Y gọi điện thoại rủ Mạc Văn T đến nhà Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985 ở phường G, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh chơi, T đồng ý. T điều khiển xe Nouvo màu vàng - đen đến nhà C, khi đến nhà C, T và Y ngồi uống nước ở phòng khách, còn C lúc này đã đi ngủ. Y rủ T “đi lang thang tý”, T hiểu Y rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. Y điều khiển xe mô tô của Y nhãn hiệu Sirius, biển số 22F1-221.35, kẹp phía bên ngoài biển số 17B5-180.14 chở T đi. T mang theo 01 tay công hình chữ L bằng kim

loại màu trắng, 01 vạm bằng kim loại có một đầu hình lục giác, đầu còn lại được mài nhỏ dẹt dài khoảng 5cm, phần đầu lưỡi có ngạnh; 01 đèn pin. Y điều khiển xe chở T đi từ thành phố B đến thị xã K - Hải Dương, trên đường đi cả hai để ý tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đi đến nhà bà Ngô Thị H, sinh năm 1969 ở thôn L, xã P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, cả hai thấy nhà bà H có cửa xếp sắt và có lỗ thoáng để nhìn vào trong nhà. Y dừng xe trước cửa nhà bà H rồi ở ngoài cảnh giới, còn T xuống xe đi về phía cửa nhà, dùng đèn pin soi qua lỗ thoáng cửa xếp vào bên trong nhà thì thấy có dựng một chiếc xe mô tô SH màu nâu đỏ, biển số 34D1-334.08. T đưa tay qua lỗ thoáng kiểm tra thấy cửa được khóa bằng 02 ổ khóa, trong đó 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen phía trên móc vào khuy cửa, chưa đóng khóa. T lấy ổ khóa này đi ra đưa cho Y đang đứng bên ngoài rồi quay lại dùng tay công có lắp lưỡi vạm đút vào ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu trắng vặn đi vặn lại khoảng 15 phút thì mở được khóa. T cất tay công và vạm phá khóa vào trong túi quần rồi mở cửa xếp đi vào trong nhà. Khi vào được trong nhà T thấy là gian ngoài để xe, tiếp giáp với gian để xe là gian phòng khách được ngăn bởi cửa nhôm kính, không khóa, T tiếp tục mở cửa đi vào bên trong bật đèn pin quan sát thấy tại trên chiếc ghế đơn ở phòng khách có 01 chiếc túi xách nữ giả da màu đen, T lấy chiếc túi này rồi đi ra gian ngoài. T mở túi xách kiểm tra thì thấy có chìa khóa xe mô tô bên trong. T liền lấy chiếc mũ bảo hiểm màu trắng sữa treo trên xe mô tô đội vào đầu rồi dắt lùi chiếc xe mô tô SH Mode, biển số 34D1-334.08 đi ra ngoài đường. T lấy chìa khóa ra khởi động xe nhưng không biết cách mở nên không mở được do xe được lắp thêm hệ thống khóa từ chống trộm. Sau đó T ngồi lên xe SH Mode còn Y đi xe mô tô Sirius dùng chân đẩy từ phía sau. T và Y đẩy chiếc xe đi vào đoạn đường liên xã P - S khoảng 500m thì dừng lại. Y lấy chiếc túi xách T vừa trộm cắp được ra kiểm tra nhưng không thấy có tiền nên vứt chiếc túi xuống mương nước bên đường rồi cùng T tiếp tục mở khóa khởi động xe SH Mode nhưng không được. T lại tiếp tục lên xe SH Mode, Y điều khiển xe Sirius đẩy phía sau về nhà C ở thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Về đến nhà C, Y bảo T về trước và để chiếc xe máy SH Mode vừa trộm cắp được lại để Y phá khóa chống trộm lắp ở xe ra. T đồng ý đi về nhà. Y dùng tô vít tháo phần ốp nhựa ở đầu xe SH Mode ra để phá khóa. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày thì C ngủ dậy, thấy Y đang tháo lắp phần đầu chiếc xe SH Mode, C không hỏi gì và chỉ dẫn Y buổi trưa nấu cơm cho con của C ăn rồi C đi làm. Sau khi tháo xong phần khóa chống trộm, đấu lại dây điện và khởi động được xe, Y gọi điện thoại cho người đàn ông mới quen tên là H, khoảng 30 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ) để bán chiếc xe vừa trộm cắp được. Sau đó, Y điều khiển chiếc xe mô tô SH Mode biển số 34D1-334.08 đến khu vực ngã tư M - B - Quảng Ninh gặp và bán xe cho H được số tiền 19.000.000 đồng, Y chia cho T 9.500.000 đồng. Ngày 26/10/2018, bà Ngô Thị H có đơn trình báo đến Công an huyện K (nay là Công an thị xã K) việc bị mất chiếc xe mô tô trên và mất chiếc túi xách giả da màu

đen, bên trong có để 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ màu vàng, quai da màu đen nhãn hiệu Longines.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 28/10/2018, Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 22F1-221.35, kẹp phía bên ngoài biển số 17B5-180.14 chở T đi đến thị xã K - Hải Dương, mục đích đặt bả mèo để bắt mèo hoang, Y và T mang theo 02 bả mèo. Khi đi đến Phố T - Phường M - K, Y và T đặt 02 bả mèo ngoài đường để bắt mèo hoang, không xác định cụ thể bắt mèo nhà ai, khi đặt bả mèo xong thì phát hiện Tổ công tác thuộc Công an thị trấn M (nay là Công an phường M) đi đến; Y điều khiển xe chở T bỏ chạy và bị lực lượng Công an phường M truy đuổi. Khi chạy đến khu vực đầu cầu Hoàng Thạch thì Y và T bị ngã xe, Y chạy thoát được, còn T bị lực lượng Công an phường M giữ lại, khi đó trên người T có một số vết thương vùng đầu, mặt, chân, tay. Công an phường M đưa T về trụ sở UBND phường M làm việc và thu giữ trên người T: 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen kèm sim thuê bao số 0965250636; 01 khẩu trang vải kẻ trắng - đỏ - xanh; 01 tay công bằng kim loại màu trắng hình chữ L, tay cầm bọc cao su màu đỏ - đen, phần kim loại có chữ Top Germany Chrome Vanadium; 03 đầu vam, 01 đầu đầu dẹt, 01 đầu hình lục giác; 01 rìu cán gỗ có kích thước 33cm; thu giữ 01 xe máy Sirius màu trắng - xanh, biển số: 22F1 - 21135; 01 biển số xe máy 17B5 - 1801405, trong cốp xe có 05 móc mở khóa và một số đồ vật khác; 01 đôi giày vải màu nâu đỏ, đế trắng. Đến 05 giờ 35 phút cùng ngày Công an phường M bàn giao Mạc Văn T cùng phương tiện, đồ vật thu giữ cho Công an huyện K.

Tại bản Kết luận số 10 ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô SH mode biển số 34D1-334.08 đã khấu hao 9,16%, giá trị sử dụng còn 90,84%, khảo sát giá tại thời điểm là 61.771.200 đồng; 01 đồng hồ Longines mã L-46352 màu vàng, đã khấu hao 11,7% giá trị sử dụng còn 88,3%, giá bán là 1.589.400 đồng. Tổng cộng 63.360.600 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 254/C09-P6 ngày 14/02/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đối với 05 file video lưu trữ trong USB do bà Ngô Thị H cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra ghi lại việc các đối tượng trộm cắp xe mô tô SH mode biển số 34D1-334.08 của bà Ngô Thị H, kết quả: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file video gửi giám định; Thời gian khởi tạo các file video gửi giám định được thể hiện vào ngày 26/10/2018 (thông tin này phụ thuộc vào thời gian của hệ thống và có thể thay đổi).

Tại bản Kết luận giám định số 1531/C09-P6 ngày 24/4/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an đối với 02 bức ảnh chụp Mạc Văn T do Luật sư bào chữa cho bị cáo Mạc Văn T cung cấp gửi giám định kết luận: Không có dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trên 02 ảnh cần giám định ký hiệu A1, A2.

Đối với 01 chiếc tay công bằng kim loại màu trắng hình chữ L, tay cầm bọc cao su màu đỏ - đen cùng một số đồ vật thu giữ của T, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K đã chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã K quản lý.

Đối với chiếc xe mô tô SH Mode biển số: 34D1-334.08, Y khai bán cho đối tượng tên H nhưng không rõ họ tên, địa chỉ và chiếc túi xách giả da màu đen Y khai vứt vào mương nước bên đường, 02 ổ khóa và chiếc Vam phá khóa Y và T đã vất đi trên đường đi, không nhớ địa điểm cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được, đã ra thông báo truy tìm vật chứng.

Đối với chiếc xe mô tô Sirius màu trắng - xanh, biển số: 22F1-211.35, Y khai mua của người không rõ tên tuổi, địa chỉ. Qua điều tra xác định chiếc xe này là của anh Lý Công L - sinh năm 1990, trú tại Bản Ba - Trung Hà - Huyện C - Tuyên Quang, là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Dương Kinh - Thành phố Hải Phòng điều tra. Ngày 27/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Dương Kinh - Hải Phòng để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Hoàng Trọng Y đã tự nguyện bồi thường cho bà Ngô Thị H số tiền 32.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu Y phải bồi thường về dân sự. Bà H yêu cầu Mạc Văn T bồi thường một nửa giá trị chiếc xe mô tô của bà H, đến nay T chưa bồi thường. Đối với chiếc ví giả da, chiếc mũ bảo hiểm và 02 ổ khóa bị T và Y lấy, bà H xác định tài sản đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên không có yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc điện thoại Y sử dụng liên lạc với người đàn ông tên là H để bán xe mô tô, trong quá trình bỏ chạy vào ngày 28/10/2018 đã làm rơi mất, Y không nhớ số điện thoại của H và số điện thoại Y dùng để gọi cho H nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về hành vi phạm tội của Hoàng Trọng Y đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/HS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K (nay là Tòa án thị xã K).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 11/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã K đã căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mạc Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mạc Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mạc Văn T phải bồi thường cho bà Ngô Thị H số tiền 29.771.200 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.488.560đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án quyết định về thi hành án; lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2020 bị cáo T kháng cáo toàn bộ bản án kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại, người làm chứng và những người chứng kiến đều vắng mặt.
- Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo kêu oan. Bị cáo trình bày không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe máy SH mode nhà bà H mà do người tên H thực hiện cùng bị cáo Huy, nhưng bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của H. Những lời khai bị cáo nhận tội thực hiện trộm cắp cùng Y vào ngày 26/10/2018 là do bị ép cung, đánh đập. Lời khai của Hoàng Trọng Y là do bị mớm cung nên mới phù hợp với lời khai của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án, xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Mạc Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào lời khai của bị T, có những lời khai nhận tội của bị cáo T diễn ra trước thời điểm đối tượng Hoàng Trọng Y bị bắt, phù hợp lời khai của Y sau khi bị bắt, lời khai của T về hình xăm chữ "Nho" tại vị trí gáy của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét thân thể, việc xem xét hình xăm tại gáy của bị cáo tại phiên tòa và đặc điểm nhận dạng đối tượng chiếm đoạt tài sản của bị hại, phù hợp camera bị hại giao nộp về diễn biến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Y và T. Bị cáo đưa ra các chứng cứ ngoại phạm nhưng không có căn cứ. Nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

Bị hại đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, tuy nhiên bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy rằng:

2.1. Bị cáo trình bày bị Công an huyện K (nay là thị xã K) đòi tiền, ép cung, dùng nhục hình trong nhiều ngày đêm gây thương tích, ép để bị cáo nhận tội. Bị cáo đã gửi nhiều đơn đề nghị, đơn khiếu nại cho Công an, Viện kiểm sát, Tòa án các cấp, yêu cầu xử lý đối với hành vi của cán bộ Công an thị xã K nhưng không được giải quyết và đến nay tiếp tục yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm

xem xét, đề nghị triệu tập Điều tra viên để làm rõ việc ép cung, đánh đập bị cáo. Tuy nhiên sau khi nhận được đơn của anh Mạc Tiến T (anh trai bị cáo T) tố cáo cán bộ Công an thị xã K có hành vi hành hung, đánh đập, giữ người trái pháp luật đối với bị cáo T và đòi hối lộ, Cơ quan điều tra - VKSND tối cao đã kiểm tra, xác minh nguồn tin tội phạm, xác định không có chứng cứ và kết luận không khởi tố vụ án hình sự. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2020 (có sự tham gia của người bào chữa cho bị cáo) bị cáo T xác nhận đã nhận được quyết định không khởi tố vụ án hình sự nêu trên và hiểu rõ nội dung quyết định. Như vậy yêu cầu này của bị cáo T đã được giải quyết bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.2] Trong giai đoạn điều tra, bị cáo T đã nhiều lần khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản tại nhà của bà Ngô Thị H ngày 26/10/2018. Các lời khai nhận tội của bị cáo T trước thời điểm Hoàng Trọng Y bị bắt mô tả diễn biến hành vi phạm tội, phương tiện phạm tội, tài sản chiếm đoạt rất cụ thể, bao gồm cả những diễn biến trên đường đến hiện trường vụ án và xử lý tài sản sau khi trộm cắp được, số tiền ăn chia của các bị cáo mà không do camera ở hiện trường ghi lại. Những lời khai nhận tội bị cáo T về chi tiết về diễn biến thực hiện hành vi phạm tội, số tiền ăn chia của bị cáo T và Y, trước khi bị cáo Y bị bắt (ngày 16/11/2018), phù hợp với lời khai của Y sau khi bị bắt. Ngoài bản tự khai, biên bản lấy lời khai do cơ quan điều tra tiến hành, bị cáo T còn tự viết 02 bức thư gửi Trưởng Công an huyện khi bị cáo điều trị tại Bệnh viện Đa Khoa K (BL 74, 75) có nội dung T xác định đã lấy xe và cố gắng báo gia đình khắc phục hậu quả. Bản thân Y tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều khai đã cùng T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà H, cam đoan các lời khai là tự nguyện, không bị ép cung, mớm cung. Lời khai của T về hình xăm chữ "Nho" tại vị trí gáy của bị cáo phù hợp với biên bản khám xét thân thể, việc xem xét hình xăm tại gáy của bị cáo tại phiên tòa và đặc điểm nhận dạng đối tượng chiếm đoạt tài sản của bà H đêm ngày 26/10/2018 do camera ghi lại. Tại biên bản nhận dạng ngày 01/11/2018, bị cáo T khai nhận đối tượng trong video do camera nhà bà H ghi lại đêm ngày 26/10/2018 đúng là bị cáo. Bị cáo khai rằng bị cáo nhận tội do bị đánh đập, ép cung nhưng không có chứng cứ chứng minh. Cơ quan điều tra – VKSND tối cao đã kết luận không khởi tố vụ án hình sự như nêu trên, nên xác định các biên bản nhận tội của bị cáo tại giai đoạn điều tra là hợp pháp. Theo quy định tại Điều 98 BLTTHS: “Lời nhận tội của bị can, bị cáo có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án. Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo là chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội”. Thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của Hoàng Trọng Y là người thực hiện hành vi phạm tội cùng T, lời khai bị hại, phù hợp với biên bản hiện trường, biên bản nhận dạng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ, nên khẳng định lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo là trung thực, khách quan và phù hợp với diễn biến tâm lý tội phạm nói chung.

Đối với các chứng cứ bị cáo trình bày để chứng minh bị cáo ngoại phạm. Sau khi hủy án sơ thẩm, cơ quan điều tra đã thu thập, kết quả điều tra bổ sung làm rõ: Theo tài liệu của Công ty viễn thông cung cấp nội dung vị trí cột phát sóng điện thoại của T và N, nội dung tin nhắn thì xác định: Không có việc T và N nghỉ tại nhà nghỉ M vào đêm ngày 25 và sáng 26/10/2018; Nội dung liên quan đến U, qua xác minh U đã chết năm 2016 (BL 774); về đối tượng H do bị cáo khai không xác định được tên tuổi địa chỉ nên chứng cứ ngoại phạm bị cáo trình bày là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của bị cáo về giá tài sản chiếm đoạt theo giá trị định giá tài sản là cao, xét thấy việc định giá thực hiện theo đúng thủ tục tố tụng, nên không có căn cứ xem xét lại giá của tài sản chiếm đoạt.

Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 26/10/2018, tại nhà của bà Ngô Thị H, ở thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương), Mạc Văn T cùng Hoàng Trọng Y đã thực hiện hành vi phá khóa cửa vào nhà chiếm đoạt của bà H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, biển kiểm soát: 34D1- 334.08 trị giá 61.771.200 đồng, 01 mũ bảo hiểm và 01 chiếc túi giả da.

Bị cáo T có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 61.771.200 đồng. Bị cáo có tiền sự năm 2016 về tội Trộm cắp tài sản và được xác định là tái phạm; chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản* quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS. Tại cấp phúc thẩm, không có chứng cứ chứng minh bị cáo ngoại phạm đối với hành vi phạm tội đã phân tích ở trên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã K xét xử bị cáo Mạc Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Kháng cáo kêu oan của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Trong vụ án chiếm đoạt tài sản của bà H, Y là người cảnh giới và bán tài sản chiếm đoạt còn T trực tiếp thực hiện hành vi mở khóa cửa, lấy tài sản nên T giữ vai trò chính. T không phải chịu tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng mức hình phạt, xem xét trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật. Bị cáo chỉ kháng cáo kêu oan nhưng không được chấp nhận, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về những nội dung nêu trên.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi đặt bả mèo ở đường, mục đích để bắt mèo của bị cáo T và Huy; cũng như làm rõ T và Y có hành vi cắt khóa cửa nhà của chị Lê Thúy V với mục đích trộm cắp tài sản vào rạng sáng ngày 28/10/2018 tại phường M, thị

xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình điều tra lại, sau khi hủy án sơ thẩm, không thu giữ được bảo mìn. Những người làm chứng là những người thuộc Tổ công tác của Công an thị trấn M xác định chỉ nhìn thấy một đối tượng ngồi trên xe, một đối tượng đang áp sát cổng nhà chị V, không nhìn thấy việc cất khóa của hai bị cáo, hiện nay không thu giữ được ổ khóa trên, nên không có căn cứ nào khác chứng minh Y và T đã có hành vi cất khóa của gia đình chị V, nên không xử lý về hành vi này là phù hợp.

Đối với Hoàng Trọng Y là đối tượng cùng Mạc Văn T thực hiện hành vi trộm cắp của chị H. Hành vi phạm tội của Y đã được xét xử tại Bản án số 43/HS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện K (nay là Tòa án thị xã K), bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với anh Nguyễn Hữu C không biết nguồn gốc chiếc xe máy SH Mode là do T và Y trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K không xử lý.

Theo lời khai của bị cáo T và Y, Y bán tài sản đã chiếm đoạt được cho một người đàn ông tên H tại M, ngã tư Yên Tử. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể của người đàn ông tên H như đã khai. Cơ quan điều tra công an thị xã K tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo không phạm tội của bị cáo Mạc Văn T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K.

2. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

3. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mạc Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

4. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mạc Văn T **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mạc Văn T phải bồi thường cho bà Ngô Thị H số tiền 29.771.200 đồng (*Hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền phải trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Bị cáo Mạc Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 1.488.560đ (Một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm; 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (28/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam-CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND K (2 bản);
- VKSND K;
- CQCSĐT Công an K;
- CQTHAHS Công an tỉnh HD;
- Chi cục THADS K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Yến